

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ với Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Hậu Giang về việc quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Hậu Giang	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	
1. Phạm vi điều chỉnh	1. Phạm vi điều chỉnh	
Nghị quyết này quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Nghị quyết này quy định một số nội dung khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Kế thừa Nghị quyết của HĐND tỉnh Hậu Giang; điều chỉnh từ “chính sách khen thưởng” thành “nội dung khuyến khích, khen thưởng” nhằm phù hợp với khoản 4 Điều 1 Thông tư số 23/2021/TT-BYT
2. Đối tượng áp dụng	2. Đối tượng áp dụng	
a) Xã, phường, thị trấn thực hiện mô hình sinh đủ 02 con; b) Phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi; c) Cặp vợ chồng sinh đủ 02 con một bề là gái; d) Phụ nữ, trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội và đồng bào dân tộc thiểu số; đ) Cộng tác viên dân số. e) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện nghị quyết.	a) Xã, phường (gọi chung là xã) trên địa bàn thành phố Cần Thơ; b) Phụ nữ sinh đủ 02 con; c) Cặp vợ chồng, phụ nữ sinh đủ 02 con một bề là gái; d) Nam, nữ thanh niên trong độ tuổi từ đủ tuổi kết hôn đến dưới 30 tuổi; đ) Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh sống tại ấp, khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ấp, khu vực đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã đảo, xã an toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ; thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; e) Cộng tác viên dân số và trẻ em trên địa bàn thành phố Cần Thơ; g) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Kế thừa Nghị quyết của HĐND tỉnh Hậu Giang; bổ sung và điều chỉnh nhóm đối tượng nhằm bảo đảm bao phủ đối tượng được áp dụng.
Điều 2. Quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Điều 2. Quy định nội dung khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ thực hiện tăng sinh, tiến đến đạt và duy trì mức sinh thay thế	
1. Chính sách khen thưởng, hỗ trợ thực hiện sinh đủ 02 con tiến đến đạt và duy trì mức sinh thay thế (đính kèm Phụ lục I).		Kế thừa phụ lục I Nghị quyết của HĐND tỉnh Hậu Giang. Điều chỉnh bổ sung đối tượng

<p style="text-align: center;">Nội dung Phụ lục I</p> <p>1. Khen thưởng xã, phường, thị trấn</p> <p>a) Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, thưởng kèm 15.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn thực hiện 03 năm liên tục đạt và vượt tỷ lệ 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.</p> <p>b) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thưởng kèm 25.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn thực hiện 05 năm liên tục đạt và vượt tỷ lệ 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng tỉnh.</p> <p>c) Đối với các xã, phường, thị trấn đăng ký thực hiện mô hình gia đình sinh đủ 02 con năm 2019, 2020, 2021 theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025, được chuyển tiếp thời gian đăng ký, được công nhận và khen thưởng 03 năm, 05 năm liên tục theo điểm a, b của khoản này.</p> <p>2. Khen thưởng cá nhân</p> <p>Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố cho phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi, theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng huyện.</p> <p>3. Hỗ trợ phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi</p> <p>a) Hỗ trợ một lần chi phí khám sàng lọc trước sinh (<i>siêu âm và xét nghiệm Down, Edward, Patau, Dị tật ống thần kinh, Thalassemia,...</i>) và sàng lọc sơ sinh (<i>Thiếu men G6PD, Suy giáp bẩm sinh, Tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh, Di chứng bẩm sinh, Tim bẩm sinh</i>) theo giá dịch vụ y tế hiện hành tại các cơ sở y tế công lập cho phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi, không vi phạm chính sách dân số. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.</p> <p>b) Hỗ trợ một lần 1.500.000 đồng tiền viện phí cho phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi, không vi phạm chính sách dân số. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.</p> <p>2. Chính sách kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh (<i>đính kèm Phụ lục II</i>).</p> <p style="text-align: center;">Nội dung Phụ lục II</p> <p>“1. Khen thưởng tập thể</p> <p>Xã, phường, thị trấn đạt 100% ấp, khu vực có quy ước nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh được đề xuất Chủ</p>	<p>1. Tập thể</p> <p>a) Xã 03 năm liên tục duy trì đạt và vượt tỷ lệ 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 (hai) con trước 35 tuổi được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, kèm theo hỗ trợ bằng tiền là 30.000.000 đồng (<i>ba mươi triệu đồng</i>).</p> <p>b) Xã 05 năm liên tục duy trì đạt và vượt tỷ lệ 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 (hai) con trước 35 tuổi được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, kèm theo hỗ trợ bằng tiền là 50.000.000 đồng (<i>năm mươi triệu đồng</i>).</p> <p>2. Cá nhân</p> <p>a) Phụ nữ sinh đủ 02 (hai) con được hỗ trợ một lần bằng tiền là 5.000.000 đồng (<i>năm triệu đồng</i>).</p> <p>b) Phụ nữ sinh đủ 02 (hai) con trước 35 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu tiên vay vốn không quá 200.000.000 đồng (<i>hai trăm triệu đồng</i>) từ Ngân hàng chính sách xã hội để tạo việc làm, sản xuất kinh doanh phát triển kinh tế hộ gia đình; - Được là đối tượng ưu tiên mua nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định. - Hỗ trợ 500.000 đồng/tháng (<i>năm trăm ngàn đồng</i>) cho đứa con thứ hai đến khi học hết lớp 5 và ưu tiên cho đứa con thứ nhất được học tại các trường công lập trên địa bàn thành phố. <p>c) Hỗ trợ một lần chi phí khám sàng lọc vô sinh, hiếm muộn cho cặp vợ chồng chưa có con (<i>Người vợ có độ tuổi từ 20 đến dưới 35 tuổi</i>) là 3.000.000 đồng/cặp (<i>ba triệu đồng</i>).</p>	<p>và hình thức khen thưởng, hỗ trợ, cụ thể:</p> <p>Đối với tập thể: Nâng mức hỗ trợ cho xã đạt 03 năm liên tục từ 15.000.000 đồng lên 30.000.000 đồng, xã đạt 05 năm liên tục từ 25.000.000 đồng lên 50.000.000 đồng, do tỷ lệ xã đạt 3 năm (2022-2024) ở Hậu Giang chỉ đạt 26,7%, việc nâng mức khen thưởng để cân xứng với nguồn lực đầu tư và thu hút sự quan tâm của địa phương. Bỏ điểm c do thay đổi tên mô hình nên không thể chuyển tiếp. Đối với xã đạt 03 năm liên tục chuyển cấp khen thưởng lên cấp thành phố nhằm đảm bảo thực hiện theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số 17/2025/TT-BYT ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực dân số, quy định thẩm quyền khen thưởng đối với trường hợp quy định tại tiết 3, tiết 4 điểm a khoản 1, tiết 1 điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 01/2021/TT-BYT do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.</p> <p>Bỏ nội dung “2. Khen thưởng cá nhân: Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố cho phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi, theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng huyện”, do không còn cấp huyện.</p> <p>Đối với cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ sinh đủ 02 con (bỏ cụm từ trước 35 tuổi) đổi hình thức hỗ trợ từ hỗ trợ chi phí SLTS, SLSS, viện phí sang hỗ trợ tiền mặt 5.000.000 đồng, do từ năm 2022-2025 việc hỗ trợ SLTS chỉ hỗ trợ được 1,1% và SLSS chỉ được 9,5% trên tổng số đối tượng, do đối tượng không cung cấp đủ hồ sơ và chứng từ thanh toán, việc đổi hình thức hỗ trợ giúp đối tượng dễ dàng thụ hưởng.
--	---	---

<p>tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố khen thưởng một lần bằng hình thức giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng huyện.</p> <p>2. Khen thưởng cá nhân</p> <p>a) Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố cho cặp vợ chồng sinh đủ 02 con một bề là gái, chấp hành tốt chính sách dân số và nuôi con khỏe, theo quy định Luật Thi đua Khen thưởng. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng huyện.</p> <p>b) Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho cặp vợ chồng sinh đủ 02 con một bề là gái, chấp hành tốt chính sách dân số và nuôi con khỏe, dạy con ngoan, theo quy định Luật Thi đua Khen thưởng. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng tỉnh.”</p> <p>3. Chính sách nâng cao chất lượng dân số (đính kèm Phụ lục III).</p> <p>Nội dung Phụ lục 3</p> <p>“1. Hỗ trợ cá nhân</p> <p>a) Hỗ trợ chi phí khám sàng lọc, chẩn đoán trước sinh cho phụ nữ thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo giá dịch vụ y tế hiện hành tại các cơ sở y tế công lập. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.</p> <p>b) Hỗ trợ chi phí khám sàng lọc, chẩn đoán sơ sinh cho trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo giá dịch vụ y tế hiện hành tại các cơ sở y tế công lập. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.”</p> <p>4. Chính sách hỗ trợ cho Cộng tác viên dân số (đính kèm Phụ lục IV).</p> <p>Nội dung Phụ lục 4</p> <p>“1. Được trang bị dụng cụ làm việc theo Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của Cộng tác viên dân số; định mức hỗ trợ 500.000 đồng/cộng tác viên; định kỳ 03 năm trang bị 01 lần. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp y tế.</p> <p>2. Cộng tác viên dân số thực hiện đạt, vượt chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia thực hiện sàng lọc trước sinh, sơ sinh; người cao tuổi tham gia khám sức khỏe định kỳ. Hình thức khen thưởng là Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố kèm theo tiền thưởng 800.000 đồng/cộng tác viên. Nguồn kinh phí cấp huyện.”</p> <p>5. Kinh phí thực hiện</p>		<p>- Phụ nữ sinh đủ 02 (hai) con trước 35 tuổi:</p> <p>+ Bổ sung nội dung: “Ưu tiên vay vốn không quá 200.000.000 đồng (<i>hai trăm triệu đồng</i>) từ Ngân hàng chính sách xã hội để tạo việc làm, sản xuất kinh doanh phát triển kinh tế hộ gia đình”, “Được là đối tượng ưu tiên mua nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định”. Việc bổ sung nhằm đảm bảo thực hiện theo Khoản 3 Điều 14, Luật Dân số số 113/2025/QH15 “3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chính quyền địa phương cấp tỉnh quy định nội dung sau đây: a) Mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ do Chính phủ quy định; b) Đối tượng, biện pháp khác để duy trì mức sinh thay thế ngoài quy định tại khoản 1 Điều này”; điểm b khoản 7 Điều 2 Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ “b) Trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền các Nghị quyết, quyết định về hỗ trợ, khuyến khích kết hôn, sinh con.”</p> <p>+ Bổ sung nội dung: “Hỗ trợ 500.000 đồng/tháng (năm trăm ngàn đồng) cho đứa con thứ hai đến khi học hết lớp 5 và ưu tiên cho đứa con thứ nhất được học tại các trường công lập trên địa bàn thành phố”, việc bổ sung nhằm đảm bảo thực hiện theo tiết (-) thứ 4, điểm d khoản 3 Điều 1 (“Hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con: ưu tiên vào các trường công lập, hỗ trợ chi phí giáo dục trẻ em”), điểm b khoản 7 Điều 2 (“Trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền các Nghị quyết, quyết định về hỗ trợ, khuyến khích kết hôn, sinh con.”) Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
--	--	---

<p>Kinh phí thực hiện Nghị quyết được đảm bảo từ nguồn ngân sách cấp tỉnh, huyện, sự nghiệp y tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định</p>		<p>- Hỗ trợ một lần chi phí khám sàng lọc vô sinh, hiếm muộn cho cặp vợ chồng chưa có con (Người vợ có độ tuổi từ 20 đến dưới 35 tuổi) là 3.000.000 đồng/cặp (ba triệu đồng), việc bổ sung nhằm đảm bảo thực hiện khoản 3 Điều 14 (“Căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chính quyền địa phương cấp tỉnh quy định nội dung sau đây: a) Mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ do Chính phủ quy định; b) Đối tượng, biện pháp khác để duy trì mức sinh thay thế ngoài quy định tại khoản 1 Điều này”).</p>
<p>Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật</p>	<p>Điều 3. Quy định nội dung khuyến khích, khen thưởng về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh</p>	
	<p>1. Tập thể Xã duy trì 03 năm đạt 100% ấp, khu vực đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong quy ước được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.</p> <p>2. Cá nhân Cặp vợ chồng hoặc phụ nữ sinh đủ 02 (hai) con một bề là gái, nuôi con khỏe, con học giỏi hoặc thành đạt được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.</p>	<p>Kế thừa phụ lục II Nghị quyết của HĐND tỉnh Hậu Giang, bổ nội dung “Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố cho cặp vợ chồng sinh đủ 02 con một bề là gái, chấp hành tốt chính sách dân số và nuôi con khỏe, theo quy định Luật Thi đua Khen thưởng. Nguồn kinh phí từ Quỹ Thi đua - Khen thưởng huyện”, chuyển khen thưởng lên cấp thành phố nhằm đảm bảo thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 17/2025/TT-BYT ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực dân số, quy định thẩm quyền khen thưởng đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BYT do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện</p>
	<p>Điều 4. Quy định nội dung khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ nâng cao chất lượng dân số</p>	
	<p>1. Tập thể Xã duy trì 03 năm đạt 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.</p> <p>2. Cá nhân</p>	<p>Kế thừa phụ lục III Nghị quyết của HĐND tỉnh Hậu Giang, bổ sung nội dung: - “1. Tập thể: Xã duy trì 03 năm đạt 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và</p>

	<p>a) Hỗ trợ chi phí tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn cho nam, nữ thanh niên trong độ tuổi từ đủ tuổi kết hôn đến dưới 30 tuổi theo giá dịch vụ y tế công lập hiện hành. Nội dung tư vấn, khám theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.</p> <p>b) Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh sống tại ấp, khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ấp, khu vực đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã đảo, xã an toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ; thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội được hỗ trợ chi phí thực hiện sàng lọc trước sinh (<i>Down, Edward, Patau, Thalassemia</i>), chi phí thực hiện sàng lọc sơ sinh (<i>Thiếu men G6PD, Suy giáp bẩm sinh, Tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh, Đứt bẩm sinh, Tim bẩm sinh</i>) theo giá dịch vụ y tế công lập hiện hành.</p> <p>khám sức khỏe định kỳ được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.” nhằm đảm bảo nội dung theo điểm a Khoản 2 Điều 5, Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021: “Xã đạt 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ được đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng một lần kèm theo hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật.”. Chuyên khen thưởng lên cấp thành phố theo Điều 7 Thông tư số 17/2025/TT-BYT ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực dân số, quy định thẩm quyền khen thưởng đối với trường hợp quy định tại tiết 1 điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BYT do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.</p> <p>- 2. Cá nhân:</p> <p>+ Bổ sung nội dung: a) Hỗ trợ chi phí tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn cho nam, nữ thanh niên trong độ tuổi từ đủ tuổi kết hôn đến dưới 30 tuổi theo giá dịch vụ y tế công lập hiện hành. Nội dung tư vấn, khám theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Nhằm đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 20, Luật Dân số số 113/2025/QH15: “2. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.”</p> <p>+ b) bổ sung đối tượng hỗ trợ “... sống tại ấp, khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ấp, khu vực đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã đảo, xã an toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ” nhằm đảm bảo thực hiện điểm</p>
--	--

		b Khoản 2 Điều 21 Luật Dân số số 113/2025/QH15: “b) Chính quyền địa phương cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định việc mở rộng phạm vi, bổ sung đối tượng và mức hỗ trợ khám sàng lọc bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh quy định tại điểm a khoản này” và phù hợp với địa bàn thành phố sau sáp nhập.
	Điều 5. Quy định nội dung khen thưởng, hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số và trẻ em	
	<p>1. Trang bị phương tiện làm việc cho cộng tác viên dân số và trẻ em theo Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số; định mức 500.000 đồng/người (năm trăm ngàn đồng); định kỳ 03 năm trang bị 01 lần.</p> <p>2. Cộng tác viên dân số và trẻ em thực hiện đạt, vượt chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia thực hiện tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, vận động người cao tuổi tham gia khám sức khỏe định kỳ được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.</p>	Kế thừa phụ lục IV Nghị quyết của HĐND tỉnh Hậu Giang, bổ sung thêm tiêu chí: “...thực hiện đạt, vượt chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia thực hiện tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân...” nhằm cụ thể hóa định hướng nâng cao chất lượng dân số, phát huy vai trò chủ động của cộng tác viên trong tuyên truyền, vận động đối tượng trong độ tuổi kết hôn, đồng thời tạo động lực thi đua gắn với nhiệm vụ trọng tâm của công tác dân số và phát triển trong giai đoạn hiện nay .
	Điều 6. Kinh phí thực hiện	
	Điều 7. Tổ chức thực hiện	
	Điều 8. Hiệu lực thi hành	